



**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn  
khovan Dầu khí**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2010



**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số**

Đăng ký lần đầu số	4903000395	ngày 9 tháng 7 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ nhất số	3500806844	ngày 24 tháng 10 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000395 và 3500806844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.



**Hội đồng Quản trị**

Đặng Thế Hưởng  
Phan Tử Giang  
Đỗ Thành Hưng  
Vũ Minh Tuấn  
Hoàng Huy Hà

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Phan Tử Giang  
Lê Hưng  
Trần Quốc Thành

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

8 Hoàng Diệu  
Phường 1, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông  
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam  
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-608



**Chong Kwang Puay**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

**Nguyễn Thanh Nghị**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2011

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000 (điều chỉnh lại)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>1.308.444.061</b>	<b>985.641.513</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	454.656.978	275.158.251
Tiền	111		135.458.507	23.337.051
Các khoản tương đương tiền	112		319.198.471	251.821.200
Các khoản phải thu	130		331.371.165	595.428.345
Phải thu thương mại	131		213.493.147	138.705.242
Trả trước cho người bán	132		110.251.291	453.873.591
Phải thu khác	135		7.626.727	2.849.512
Hàng tồn kho	140	4	474.944.216	109.119.010
Tài sản ngắn hạn khác	150		47.471.702	5.935.907
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.953.205	1.840.186
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.753.947	2.953.715
Tài sản ngắn hạn khác	158		764.550	1.142.006
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>1.234.894.063</b>	<b>567.551.895</b>
Tài sản cố định	220		1.090.400.567	567.429.561
Tài sản cố định hữu hình	221	5	616.767.088	93.858.872
Nguyên giá	222		673.358.320	99.866.127
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.591.232)	(6.007.255)
Tài sản cố định vô hình	227	6	223.063	345.974
Nguyên giá	228		608.110	532.110
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(385.047)	(186.136)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	7	473.410.416	473.224.715
Tài sản dài hạn khác	260		144.493.496	122.334
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	144.493.496	122.334
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.543.338.124</b>	<b>1.553.193.408</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này


**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000 (điều chỉnh lại)
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.801.952.309</b>	<b>1.163.773.195</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.207.792.361</b>	<b>855.374.418</b>
Vay ngắn hạn	311		-	43.605.894
Phải trả thương mại	312		232.230.628	90.588.489
Người mua trả tiền trước	313	9	906.949.809	701.745.825
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	10	5.251.254	5.723.235
Phải trả nhân viên	315		17.089.520	7.244.477
Chi phí phải trả	316	11	44.504.888	4.785.554
Các khoản phải trả khác	319		1.766.262	1.680.944
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>594.159.948</b>	<b>308.398.777</b>
Vay dài hạn	334	12	594.159.948	308.398.777
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>741.385.815</b>	<b>389.420.213</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>741.385.815</b>	<b>389.420.213</b>
Vốn cổ phần	411	13	700.000.000	400.000.000
Nguồn kinh phí sự nghiệp	412	14	3.105.598	-
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	413		38.280.217	(10.579.787)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.543.338.124</b>	<b>1.553.193.408</b>

Người lập: 

  
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng

Người duyệt: 

  
 Phan Tử Giang  
 Tổng Giám đốc

04 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000 (điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu	01	15	1.252.357.821	-
Giá vốn hàng bán	11	16	(1.175.139.612)	-
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>77.218.209</b>	<b>-</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	47.463.214	32.380.451
Chi phí tài chính	22	18	(48.009.950)	(17.646.920)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(26.917.587)	(24.510.031)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>49.753.886</b>	<b>(9.776.500)</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31		1.957.632	996.417
Chi phí khác	32		(523.588)	(308.189)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>51.187.930</b>	<b>(9.088.272)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>19</b>	<b>(2.327.926)</b>	<b>(405.394)</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần</b>	<b>60</b>		<b>48.860.004</b>	<b>(9.493.666)</b>

Người lập: *h*

*Nguyễn Văn Quang*  
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

*Phan Tử Giang*  
 Phan Tử Giang  
 Tổng Giám đốc

04 MAR 2011

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Chênh lệch tỷ giá VNĐ'000	Nguồn kinh phí sự nghiệp VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phôi/(lỗ lũy kế) VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	400.000.000	-	-	(1.086.121)	398.913.879
<i>Chênh lệch tỷ giá – như đã báo cáo trước đây</i>	-	(10.927.606)	-	-	(10.927.606)
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – như đã báo cáo trước đây</i>	-	-	-	1.433.940	1.433.940
<i>Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán (thuyết minh 23)</i>	-	10.927.606	-	(10.927.606)	-
Lỗ thuần trong năm – đã điều chỉnh	-	-	-	(9.493.666)	(9.493.666)
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010 – đã điều chỉnh</b>	<b>400.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(10.579.787)</b>	<b>389.420.213</b>
Cổ phiếu đã phát hành	300.000.000	-	-	-	300.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	48.860.004	48.860.004
Nguồn kinh phí sự nghiệp nhận được từ ngân sách Nhà nước	-	-	3.105.598	-	3.105.598
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.105.598</b>	<b>38.280.217</b>	<b>741.385.815</b>

Người lập:

  
Nguyễn Văn Quang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Phan Tử Giang  
Tổng Giám đốc



04 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		51.187.930	(9.088.272)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		54.033.299	4.755.104
Tài sản cố định bị xóa sổ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		-	12.955
Chi phí lãi vay	06		(9.201.900)	10.927.606
Thu nhập lãi tiền gửi	07		32.506.081	515.490
			(18.118.126)	(17.234.222)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>110.407.284</b>	<b>(10.111.339)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		221.081.416	(437.320.828)
Biến động hàng tồn kho	10		(365.825.206)	(109.119.010)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(138.672.183)	741.879.538
			(173.008.689)	185.328.361
Lãi vay đã trả	13		(26.613.234)	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(408.712)	-
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(200.030.635)</b>	<b>185.328.361</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(177.618.244)	(606.740.923)
Thu lãi tiền gửi	27		12.712.613	17.003.552
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(164.905.631)</b>	<b>(589.737.371)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		284.935.289	351.489.181
Chi trả nợ gốc vay			(43.605.894)	-
Góp vốn			300.000.000	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp nhận được từ ngân sách Nhà nước			3.105.598	-
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>544.434.993</b>	<b>351.489.181</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>179.498.727</b>	<b>(52.919.829)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>275.158.251</b>	<b>328.078.080</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3</b>	<b>454.656.978</b>	<b>275.158.251</b>

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	33.626.000	-
Nguyên giá của tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua nhưng chưa trả tiền	510.131.223	60.493.910

Người lập:   
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:   
  
 Phan Tử Giang  
 Tổng Giám đốc

04 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 733 nhân viên (31/12/2009: 459 nhân viên).

**2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

**(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VND’000”) được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Trong năm 2009, Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái, theo đó các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại vào cuối kỳ các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phép hoãn lại.

## **Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Công ty thay đổi chính sách kế toán chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (“VAS 10”). Chuẩn mực này yêu cầu chênh lệch tỷ giá hối đoái phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Công ty bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu Chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước Dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Công ty áp dụng hồi tố chính sách kế toán mới. Thuyết minh 23 trình bày ảnh hưởng của việc áp dụng hồi tố này lên báo cáo tài chính.

#### **(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(g) Hợp đồng xây dựng dở dang**

Hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành của hợp đồng xây dựng.

## Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

### (h) Tài sản cố định hữu hình

#### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 6 năm
▪ khác	3 năm

### (i) Tài sản cố định vô hình

#### *Phần mềm vi tính*

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

### (j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

## **Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

### **(k) Chi phí trả trước dài hạn**

#### **(i) Công cụ và phụ tùng thay thế**

Nguyên giá công cụ và phụ tùng thay thế có thời gian hữu dụng trên một năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

#### **(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 47 năm.

#### **(iii) Chi phí khác**

Chi phí khác bao gồm khoản trả trước cho các khoản mục có thời gian hữu dụng trên một năm. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

### **(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

### **(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### **(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

## **Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

#### **(o) Doanh thu**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

##### **(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### **(p) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**(q) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

**(r) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2010</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ'000</b>
Tiền mặt	3.150.924	389.116
Tiền gửi ngân hàng	132.307.583	22.947.935
Các khoản tương đương tiền	319.198.471	251.821.200
	<hr/>	<hr/>
	454.656.978	275.158.251
	<hr/>	<hr/>

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có các đơn vị tiền tệ khác VNĐ tương đương 153.522 triệu VNĐ (31/12/2009: 248.130 triệu VNĐ).

**4. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2010</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ'000</b>
Nguyên vật liệu	471.409.415	6.044.847
Công cụ và dụng cụ	3.534.801	7.444.739
Hợp đồng xây dựng dở dang	-	95.629.424
	<hr/>	<hr/>
	474.944.216	109.119.010
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VNĐ'000	Máy móc và thiết bị VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Khác VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	-	48.485.519	6.686.050	43.964.402	730.156	99.866.127
Tăng trong năm	-	14.800.558	1.450.796	-	-	16.251.354
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	238.745.692	3.947.061	3.113.510	311.434.576	-	557.240.839
Số dư cuối năm	238.745.692	67.233.138	11.250.356	355.398.978	730.156	673.358.320
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	1.617.908	1.812.800	2.511.421	65.126	6.007.255
Khấu hao trong năm	21.286.522	7.926.290	2.898.147	18.229.632	243.386	50.583.977
Số dư cuối năm	21.286.522	9.544.198	4.710.947	20.741.053	308.512	56.591.232
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	-	46.867.611	4.873.250	41.452.981	665.030	93.858.872
Số dư cuối năm	217.459.170	57.688.940	6.539.409	334.657.925	421.644	616.767.088

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 55.642 triệu VNĐ (31/12/2009: 46.759 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.



**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**6. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VNĐ'000
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	532.110
Tăng trong năm	76.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	608.110
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	186.136
Phân bổ trong năm	198.911
	<hr/>
Số dư cuối năm	385.047
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	345.974
Số dư cuối năm	223.063
	<hr/> <hr/>

**7. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Số dư đầu năm	473.224.715	2.387.406
Tăng trong năm	557.426.540	512.693.715
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(557.240.839)	(41.856.406)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	473.410.416	473.224.715
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 33.626 triệu VNĐ (2009: 4.158 triệu VNĐ)

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và phụ tùng thay thế VNĐ'000	Chi phí đất trả trước VNĐ'000	Chi phí khác VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư đầu năm	46.935	-	75.399	122.334
Tăng trong năm	-	144.833.188	2.788.385	147.621.573
Phân bổ trong năm	(26.820)	(3.081.557)	(142.034)	(3.250.411)
Số dư cuối năm	20.115	141.751.631	2.721.750	144.493.496

**9. Người mua trả tiền trước**

Người mua trả tiền trước phản ánh khoản Tập đoàn dầu khí Việt Nam tạm ứng hợp đồng chế tạo giàn khoan.

**10. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Thuế xuất nhập khẩu	42.140	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.324.608	405.394
Thuế thu nhập cá nhân	2.375.779	1.664.800
Thuế nhà thầu nước ngoài	502.727	3.653.041
Thuế môn bài	6.000	-
	5.251.254	5.723.235

**11. Chi phí phải trả**

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Chi phí lãi vay	44.179.552	4.660.705
Chi phí khác	325.336	124.849
	44.504.888	4.785.554

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**12. Vay dài hạn**

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Vay dài hạn hoàn trả sau 12 tháng	594.159.948	308.398.777

Khoản vay dài hạn được giải ngân vào năm 2009 với hạn mức tối đa là 750.000 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm là từ 5,28% đến 6,98% đối với khoản vay bằng USD và từ 10,5% đến 16,3% đối với khoản vay bằng VNĐ. Lãi suất sẽ được điều chỉnh theo chu kỳ ba tháng, trả lãi theo chu kỳ sáu tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 55.642 triệu VNĐ (31/12/2009: 46.759 triệu VNĐ). Khoản vay được hoàn trả trong 18 kỳ sáu tháng bằng nhau, bắt đầu vào ngày 1 tháng 2 năm 2012.

**13. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ'000	Số cổ phiếu	VNĐ'000
Vốn cổ phần được duyệt	70.000.000	700.000.000	40.000.000	400.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000	40.000.000	400.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000	40.000.000	400.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ'000	Số cổ phiếu	VNĐ'000
Số dư đầu năm	40.000.000	400.000.000	40.000.000	400.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	30.000.000	300.000.000	-	-
Số dư cuối năm	70.000.000	700.000.000	40.000.000	400.000.000

**14. Nguồn kinh phí sự nghiệp**

Số liệu thể hiện nguồn kinh phí nhận được từ ngân sách Nhà nước cho dự án nghiên cứu khoa học nhưng chưa được sử dụng.

**15. Tổng doanh thu**

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Dự án giàn khoan tự nâng 90m nước	1.214.097.515	-
Dịch vụ khác	38.260.306	-
	1.252.357.821	-

**16. Giá vốn hàng bán**

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Dự án giàn khoan tự nâng 90m nước	1.162.331.662	-
Dịch vụ khác	12.807.950	-
	1.175.139.612	-

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**17. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Thu nhập lãi tiền gửi	18.118.126	17.234.222
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.471.824	15.146.229
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.873.264	-
	<hr/> 47.463.214	<hr/> 32.380.451

**18. Chi phí hoạt động tài chính**

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000 (điều chỉnh lại)
Chi phí lãi vay	32.506.081	515.490
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.832.505	6.203.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.671.364	10.927.606
	<hr/> 48.009.950	<hr/> 17.646.920

**19. Chi phí thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện tại	2.324.608	405.394
Thuế bổ sung cho năm 2009	3.318	-
	<hr/> 2.327.926	<hr/> 405.394

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000 (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	51.187.930	(9.088.272)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.796.983	(2.272.068)
Ảnh hưởng thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	178.347	116.192
Ảnh hưởng thuế của thu nhập miễn thuế	(10.650.722)	-
Lỗ tính thuế đã sử dụng	-	(170.631)
Thuế nộp bổ sung cho năm 2009	3.318	-
	2.327.926	(2.326.507)
Tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận	-	2.731.901
	2.327.926	405.394

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo ba mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng mức thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng chung sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2009), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.
- Đối với các hoạt động thi công công trình thủy; sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy; chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp; nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng; cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo luật hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2009), và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.
- Đối với các hoạt động khác Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng mức thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng chung.

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

**20. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tiền thù lao	713.387	464.767

**21. Các cam kết**

**(a) Mua sắm tài sản**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có các cam kết mua sắm tài sản đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	141.060.134	613.016.068

**(b) Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Trong vòng một năm	25.243	1.382.389

**22. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Chi phí nguyên vật liệu	779.242.774	-
Chi phí nhân công và nhân viên	142.512.981	13.967.586
Khấu hao và phân bổ	50.647.663	4.755.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.447.644	5.013.347
Chi phí khác	1.288.550	4.183.276

**Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**23. Thay đổi chính sách kế toán**

Như trình bày trong Thuyết minh 2(c), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán chuyển sang áp dụng Chuẩn Mực Kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty áp dụng hồi tố chính sách kế toán mới thay đổi này thông qua việc kết chuyển chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Lỗi lũy kế tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 và các số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được điều chỉnh lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2009 VNĐ'000 (điều chỉnh lại)	31/12/2009 VNĐ'000 (đã báo cáo trước đây)
Chênh lệch tỷ giá (Lỗi lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối	- (10.579.787)	10.927.606 347.819

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2009 VNĐ'000 (điều chỉnh lại)	2009 VNĐ'000 (đã báo cáo trước đây)
Chi phí tài chính	17.646.920	6.719.314

Người lập:   
Nguyễn Văn Quang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:   
Phan Tử Giang  
Tổng Giám đốc

04 MAR 2011





